

Bản án số: 307/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:*** Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: đường C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1986. Địa chỉ: đường C, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Đình C tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2018 ngày 10/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường C, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng tháng 7/2019 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm nhau và vợ chồng bà hiện nay không còn sống chung với nhau nữa. Bà và con đã chuyển đến sống tại đường C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; còn ông C vẫn sống tại địa chỉ cũ. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông C

Về con chung: Ông bà có 01 con chung: cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 27/9/2017. Ly hôn, bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình C : Mặc dù ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Theo biên bản xác minh ngày 08/9/2020, Tổ trưởng tổ dân phố 12 phường Hòa Phát cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông C và bà H không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai. Hai vợ chồng đã không sống chung một thời gian, bà H đã dọn đến 28 Đặng Chấn sinh sống.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Đình C.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 BLTTDS

và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Đình C có địa chỉ thường trú tại đường C, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình C đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình C tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2018 ngày 10/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường C, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã và không hợp quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, bà và con đã chuyển đến đường C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng sinh sống; còn ông C vẫn sống tại địa chỉ cũ. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông C không muốn hàn gắn cũng như tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với ông C nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Đình C.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Bà H xác định ông bà có 01 con chung: cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 27/9/2017. Ly hôn, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông C cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất các điều kiện chăm sóc cháu về mọi mặt. Xét thấy cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay đang sống với mẹ nên việc giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt nhất cho việc phát triển của cháu, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Nguyễn Ngọc

Bảo T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Đình C về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T sinh ngày: 27/9/2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình C có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001218 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Hòa Phát;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng